TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020HNGĐ-ST
Ngày 26-3-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 1184/2019/TLST-HNGĐ ngày 12-12-2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1979; thường trú: 15/20 khu phố Th, phường D, thị xã D, tỉnh B; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn Tr, sinh năm 1978; thường trú: Thôn 13, xã X, huyện Th, tỉnh Th; tạm trú: 15/20 khu phố Th, phường D, thị xã D, tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27-11-2019 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, được sự đồng ý của gia đình chị L và anh Tr về chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Th và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10/2004, quyển số 02 ngày 23/6/2004. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau

khi kết hôn vợ chồng sống tại phường D, thị xã D, tỉnh B. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do anh Tr không lo làm ăn, không giành thời gian chăm sóc vợ con, thường xuyên ăn nhậu say xỉn về đánh đập vợ gây thương tích. Tuy nhiên, chị L không thăm khám bác sĩ, cũng không báo với bất kỳ cơ quan, tổ chức nào. Anh Tr đi làm không đưa tiền cho chị để trang trải sinh hoạt gia đình, lo cho các con ăn học. Chị L đã nhẫn nhịn rất nhiều, cố gắng rất nhiều để vợ chồng hàn gắn cùng nhau nuôi dưỡng các con nhưng anh Tr vẫn không thay đổi. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Văn Tr.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 04 người con chung tên Vũ Anh D, sinh ngày 19/11/2004; Vũ Anh T, sinh ngày 27/9/2006; Vũ Hùng Kh, sinh ngày 30/3/2010 và Vũ Hoàng L, sinh ngày 25/7/2012. Hiện nay các con đang ở với cha mẹ. Trong đơn khởi kiện chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con tên Vũ Anh D, sinh ngày 19/11/2004; Vũ Anh T, sinh ngày 27/9/2006 và giao hai con tên Vũ Hùng Kh, sinh ngày 30/3/2010; Vũ Hoàng L, sinh ngày 25/7/2012 cho anh Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L và anh Tr không ai thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Tr không hợp tác, không đến Tòa làm việc. Do đó, chị L đã xin thay đổi yêu cầu về con chung theo đó chị L yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả bốn người con. Anh Tr công việc không ổn định, từ khi vợ chồng mâu thuẫn đến nay một mình chị tự lo về kinh tế để trang trải cuộc sống, ăn học cho các con. Chị L hiện tại đang kinh doanh buôn bán trong căn tin của Công ty thu nhập trung bình mỗi tháng là 23.000.000 (hai mươi ba triệu) đồng. Vì vậy, chị L không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn Tr đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị L khởi kiện anh Tr yêu cầu được ly hôn, nuôi con nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Tr có nơi cư trú tại khu phố Th, phường D, thị xã D, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 09/3/2020 và ngày 26/3/2020 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Tr có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Th và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10/2004, quyển số 02 ngày 23/6/2004 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị L xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tr không chăm chỉ làm ăn, thường xuyên uống rượu say, không giành thời gian chăm sóc gia đình, không phụ chị về kinh tế để trang trải cuộc sống sinh hoạt, chi phí học tập của các con. Để con có cuộc sống đầy đủ cả cha và mẹ chị L đã cố gắng nhẫn nhịn để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Tr không thay đổi. Tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh Tr nên yêu cầu được ly hôn. Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Chị L xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và hiện cả hai đều không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh Tr đã được Tòa án triệu tập làm việc và tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt; không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Qúa trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh, trước khi Tòa án thụ lý vụ án chị L và anh Tr không ai có đơn đề nghị hòa giải tại cơ sở, điều này phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị L và anh Tr đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị L yêu cầu được ly hôn với anh Tr là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 04 (bốn) người con chung tên Vũ Anh D, sinh ngày 19/11/2004; Vũ Anh T, sinh ngày 27/9/2006; Vũ Hùng Kh, sinh ngày 30/3/2010 và Vũ Hoàng L, sinh ngày 25/7/2012. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, các cháu Dũng,

Tuấn, Khanh và Long từ trước đến nay sống cùng mẹ, được sự chăm sóc từ người mẹ, các cháu đều được đi học và phát triển tốt. Chị L kinh doanh buôn bán thu nhập 23.000.000 (hai mươi ba triệu) đồng/tháng, thời gian làm việc cố định đảm bảo tốt cho việc chăm sóc và nuôi dưỡng các con. Anh Tr được Tòa án triệu tập làm việc nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến về con chung, không cung cấp chứng cứ chứng minh anh có việc làm và thu nhập. Vì vậy, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và các Điều 227, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L đối với anh Vũ Văn Tr về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Vũ Văn Tr. (Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2004, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Th cấp ngày 23/6/2004).

- Về con chung: Anh Vũ Văn Tr giao 04 (bốn) người con chung tên Vũ Anh D, sinh ngày 19/11/2004; Vũ Anh T, sinh ngày 27/9/2006; Vũ Hùng Kh, sinh ngày 30/3/2010 và Vũ Hoàng L, sinh ngày 25/7/2012 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau ly hôn, chị L và anh Tr đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục các con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Tr lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị L nuôi con thì chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp

luật. Vì lợi ích về mọi mặt của các con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0039801, ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND xã H, huyện H, tỉnh Th;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Vân